

Số: /KH-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân năm 2026

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Công văn số 8597/BTC-TH ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Bộ Y tế xây dựng Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân năm 2026 với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN

1. Tình hình thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, rủi ro. Tình trạng bất ổn an ninh, chính trị tiếp tục leo thang tại một số quốc gia, khu vực, nhất là tại Nga-Ucraina, Trung Đông, dải Gaza; chính sách thuế quan mới của Mỹ, phản ứng của các nền kinh tế lớn và nguy cơ “chiến tranh thương mại” toàn cầu tác động tới các hoạt động kinh tế, thương mại, chuỗi cung ứng, vận tải, trong đó có thuốc, thiết bị, vật tư y tế. Các thách thức an ninh phi truyền thống, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan... diễn biến bất thường hơn, tác động tới nhiều quốc gia, khu vực.

2. Trong nước, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những

hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm... Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo, điều hành triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển KTXH như: thúc đẩy đàm phán với Mỹ về chính sách thuế quan; công tác rà soát, hoàn thiện, cải cách thể chế; đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia; hoạt động giám sát, quản lý thị trường, chống thất thu thuế, phòng chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, an toàn thực phẩm,...; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp; thúc đẩy đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế... Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng tăng do mô hình bệnh tật kép, già hóa dân số nhanh, tác động của toàn cầu hóa, đô thị hóa và biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hành vi lối sống có hại cho sức khỏe như hút thuốc lá, sử dụng rượu bia, chất gây nghiện, dinh dưỡng không hợp lý còn phổ biến...

II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tình hình thực hiện và dự báo khả năng thực hiện chỉ tiêu

1.1. Trong các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 theo Nghị quyết số 158/2024/QH15 và Nghị quyết số 192/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ, ngành y tế được giao 03 chỉ tiêu chủ yếu là:

- Số bác sĩ trên 10.000 dân đạt 15 bác sĩ: ước thực hiện năm 2025 đạt chỉ tiêu 15 bác sĩ.

- Số giường bệnh trên 10.000 dân đạt 34,5 giường bệnh: ước thực hiện năm 2025 đạt chỉ tiêu 34,5 giường bệnh.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt khoảng 95,15% dân số: ước thực hiện năm 2025 đạt chỉ tiêu được giao là 95,15%.

1.2. Chỉ tiêu cụ thể cho ngành, lĩnh vực năm 2025 được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31/05/2025 của Chính phủ:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu 2025	Ước thực hiện năm 2025	Đánh giá
1	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	Trên 90	Trên 90	Đạt
2	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	74,7	74,7	Đạt
3	Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế	%	Trên 80	Trên 80	Đạt
4	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111	111	Đạt
5	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi	Số ca/1.000 trẻ đẻ sống	11,1	11	Vượt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu 2025	Ước thực hiện năm 2025	Đánh giá
6	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi	Số ca/1.000 trẻ đẻ sống	16,8	16,6	Đạt
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	17	17	Đạt
8	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	Trên 91	Trên 91	Đạt
9	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 91	Trên 91	Đạt

2. Công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo điều hành

2.1. Hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực y tế

- Bộ đã có Quyết định số 3987/QĐ-BYT ngày 30/12/2024 ban hành Kế hoạch công tác pháp chế y tế năm 2025; Quyết định số 982/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 về chương trình công tác năm 2025 của Bộ Y tế. Quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác xây dựng pháp luật¹.

- Bộ Y tế tham mưu Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; ; Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số. Tính đến ngày 15/7/2025, Bộ Y tế tham mưu Chính phủ ban hành 09 Nghị định², 01 Nghị quyết³, Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 Quyết định⁴ và ban hành 34 Thông tư của Bộ Y tế theo thẩm quyền.

- Xây dựng, trình Đảng ủy Chính phủ, Bộ Chính trị dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá trong công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tập trung xây dựng và triển khai hệ thống văn bản hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Bảo hiểm y tế đồng bộ với Luật Khám bệnh,

¹ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội; Kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 19/4/2025 của Ban chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Kế hoạch số 447/KH-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ...

² Các Nghị định số 02/2025/NĐ-CP, 04/2025/NĐ-CP, 42/2025/NĐ-CP; 102/2025/NĐ-CP, 147/2025/NĐ-CP, 148/2025/NĐ-CP, 162/2025/NĐ-CP, 163/2025/NĐ-CP, 176/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

³ Nghị quyết số 34-NQ/CP ngày 13/02/2025 của Chính phủ.

⁴ Các Quyết định số 03/QĐ-TTg ngày 02/01/2025 phủ; 383/QĐ-TTg ngày 21/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ; 714/QĐ-TTg ngày 03/4/2025.

chữa bệnh; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hồ sơ các dự án Luật Phòng bệnh, Luật Dân số, Luật Thiết bị y tế, Luật An toàn thực phẩm sửa đổi.

- Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 để trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại kỳ họp tháng 10/2025. Ban hành Kế hoạch của Bộ Y tế triển khai thực hiện Quyết định số 1576/QĐ-TTg ngày 16/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật: tự kiểm tra 15 văn bản; hoàn thành rà soát chuyên đề liên quan đến mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện phân cấp, phân quyền⁵. Phối hợp với Bộ, ngành thực hiện pháp điển đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Y tế chủ trì soạn thảo vào các đề mục pháp điển do Bộ, ngành chủ trì thực hiện như Đề mục phòng, chống tham nhũng, Đề mục về tổ chức Chính phủ.

- Triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, thường xuyên cập nhật thông tin, viết tin, bài ảnh về pháp luật y tế trên trang web của Bộ Y tế. Thực hiện việc cung cấp tất cả các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế và các văn bản có liên quan mới ban hành thông qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế, Trang thông tin điện tử của các đơn vị và qua hệ thống điện tử của Bộ. Kết hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với các đoàn kiểm tra, giám sát về lĩnh vực chuyên môn. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn⁶: thực hiện hoạt động đối thoại, hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp.

2.2. Tổ chức bộ máy y tế

- Trình ban hành Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế thay thế Nghị định số 95/2022/NĐ-CP; ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ; hướng dẫn thực hiện tinh giản biên chế theo quy định; thực hiện tiếp nhận, sắp xếp 13 đơn vị từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Bộ Y tế; chuyển cơ quan Thanh tra Bộ Y tế về Thanh tra Chính phủ từ ngày 01/6/2025.

- Triển khai Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, tổ chức lại các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế đến năm 2025, giai đoạn 2025-2030; theo đó Bộ Y tế thực hiện sắp xếp giảm 4 Bệnh viện trực thuộc Bộ⁷. Bộ Y tế tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban

⁵ Báo cáo số 592/BC-BYT ngày 08/5/2025 kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo phạm vi, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ liên quan đến mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; xác định các nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật để kết thúc hoạt động của chính quyền địa phương cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Rà soát thực hiện phân cấp, phân quyền thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc thực hiện phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Công văn số 2800/BYT-PC ngày 10/5/2025).

⁶ Trong 6 tháng đầu năm 2025, đã tổ chức 05 lớp đào tạo, phổ biến tập huấn cho doanh nghiệp và các đơn vị liên quan đến lĩnh vực Dược.

⁷ Bệnh viện 74 Trung ương chuyển giao nguyên trạng về Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quản lý; Bệnh viện 71

hành Quyết định số 05/2025/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 về việc phê duyệt quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Y khoa quốc gia; tiếp tục hoàn thiện Đề án thành lập Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh Trung ương.

- Ban hành Thông tư 20/2025/TT-BYT ngày 23/6/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 117/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về y tế xã, phường, thị trấn; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Xây dựng Nghị định về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động thay thế Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ; Nghị định Quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập, chế độ phụ cấp chống dịch và chế độ hỗ trợ nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố.

- Tiếp tục rà soát, tiếp thu ý kiến của địa phương, đơn vị để hoàn thiện Phương pháp đo lường, nhằm nâng cao chất lượng trong công tác đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công, đồng thời tăng cường công tác tập huấn về quy tắc ứng xử của đội ngũ nhân viên y tế nhằm nâng cao chất lượng phục vụ đối với dịch vụ y tế công.

2.3. Cải cách hành chính, thanh kiểm tra

- Trình ban hành Nghị định 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế; Nghị định 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế. Bộ Y tế ban hành Thông tư 03/2025/TT-BYT ngày 13/01/2025 quy định về giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực y tế.

- Hoàn thiện 04 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định để phân cấp, phân định thẩm quyền nhằm thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp thuộc các lĩnh vực bảo hiểm y tế, dược và phòng chống mua bán người; xây dựng 10 Thông tư để phân cấp, phân định thẩm quyền nhằm thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thuộc các lĩnh vực: Phòng bệnh, tổ chức cán bộ, dược, an toàn thực phẩm, dân số, kế hoạch tài chính, khám bệnh, chữa bệnh, bà mẹ và trẻ em, bảo trợ xã hội.

- Đánh giá phân tích kết quả chấm điểm Cải cách hành chính của Bộ Y tế năm 2024 và đề ra các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính cần được tăng cường thực hiện trong năm 2025. Chỉ đạo rà soát các đơn vị có thủ tục hành chính

chậm công bố, chậm giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính để thúc đẩy công tác cải cách thủ tục hành chính của Bộ Y tế, đặc biệt trong lĩnh vực cấp giấy phép lưu hành thuốc, thiết bị y tế.

- Thực thi 88/163 phương án (đạt 54%) triển khai thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) được phê duyệt tại Quyết định 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; 38/69 TTHC (đạt 55,1%) thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; phân cấp 69 TTHC về địa phương giải quyết. Thực hiện đơn giản hóa giấy tờ công dân đối với 67/73 TTHC (đạt 91,8%) và đang triển khai thực hiện đơn giản hóa đối với 05 TTHC còn lại thực thi Nghị quyết số 60/NQ-CP của Chính phủ ngày 6/7/2017 của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư. Tập trung rà soát, chuẩn hóa và công bố công khai TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế đảm bảo đúng quy định. Bộ Y tế công khai trên cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC và đang áp dụng là 395 TTHC, giảm 18 TTHC so với cùng kỳ báo cáo năm 2024.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định pháp luật, văn bản chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Triển khai Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 545/QĐ-BYT ngày 13/02/2025 về việc kiểm tra công tác quản lý, điều hành; tổ chức cán bộ; thu, chi tài chính; quản lý, sử dụng tài sản công; việc thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ và một số nội dung khác có liên quan; đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thanh tra chuyên đề của Thanh tra Chính phủ.

2.4. Hợp tác quốc tế

- Tiếp tục tích cực tham gia các hợp tác song phương và đa phương, cùng nỗ lực để đưa ra các giải pháp góp phần phục hồi và phát triển nền kinh tế sau dịch bệnh COVID-19 cũng như các biện pháp tiếp cận tài chính y tế bền vững để ứng phó tốt hơn với các dịch bệnh mới nổi, chú trọng ứng dụng công nghệ số trong y học, tạo môi trường thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp về y tế như sản phẩm vắc xin, thiết bị y tế, thúc đẩy các chính sách và chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Trong 06 tháng đầu năm 2025, Bộ Y tế có ba đoàn ra do Lãnh đạo Bộ làm Trưởng đoàn và tham gia sáu đoàn ra do lãnh đạo cấp cao làm Trưởng đoàn, tập trung vào việc tăng cường hợp tác về chuyên môn với các đối tác nước ngoài, tranh thủ tận dụng các nguồn lực bên ngoài trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bộ Y tế đã tiến hành ký kết các thỏa thuận quốc tế: Bộ Y tế ký nhân danh Chính phủ Tuyên bố của Lãnh đạo ASEAN về Cam kết an ninh và tự lực thuốc; Bản ghi nhớ hợp tác với Bộ Y tế Uzbekistan trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe; Bản ghi nhớ với Bộ Y tế Liên bang Nga trong lĩnh vực Y sinh học; Bản ghi nhớ với Bộ Y tế Cộng hòa Belarus trong lĩnh vực Dược phẩm.

3. Cung ứng dịch vụ y tế

3.1. Công tác phòng bệnh

- Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách về phòng bệnh: dự án Luật Phòng bệnh truyền nhiễm Quốc hội tại kỳ họp tháng 10/2025; 04 Thông tư của Bộ Y tế quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Nghị quyết số 173/2024/QH15 của Quốc hội về cấm sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, chứa chấp, vận chuyển, sử dụng thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng. Xây dựng Đề án Tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS tiến tới cơ bản chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030;

- Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án trong lĩnh vực phòng bệnh: Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; Kế hoạch truyền thông phòng, chống thừa cân béo phì ở trẻ em Việt Nam giai đoạn 2025-2030; Đề án nâng cao năng lực hệ thống triển khai Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng; Đề án Truyền thông phòng, chống tác hại của rượu, bia đến năm 2030; Đề án về nâng cao khả năng ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp; Đề án nâng cao năng lực hệ thống triển khai Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng và xây dựng tài liệu Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam; Kế hoạch thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống ma túy.

- Chỉ đạo tổ chức triển khai Kế hoạch phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2025 ngay từ đầu năm. Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 23/CD-TTg ngày 15/3/2025 về việc đẩy nhanh tiêm chủng vắc xin phòng, chống bệnh Sởi; Công điện số 116/CD-TTg về tăng cường công tác phòng, chống bệnh sốt xuất huyết, ban hành các Kế hoạch, văn bản triển khai, hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch bệnh. Các dịch bệnh truyền nhiễm phổ biến cơ bản được kiểm soát trên phạm vi cả nước⁸.

- Hoàn thành các thủ tục mua sắm, đặt hàng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng sau khi được bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 tại Quyết định số 1000/QĐ-TTg ngày 18/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ và tổ chức phân bổ ngay đến các tỉnh, thành phố theo số lượng đã đăng ký nhu cầu, chỉ đạo các địa phương tích cực triển khai tổ chức tiêm chủng, tiêm bù, tiêm vét cho các trường hợp chưa được tiêm chủng đầy đủ.

- Tăng cường phòng chống HIV/AIDS, toàn quốc hiện có 1.300 cơ sở y tế cung cấp dịch vụ tư vấn và xét nghiệm HIV; 251 phòng xét nghiệm HIV được phép khẳng định các trường hợp HIV dương tính và 1.250 phòng xét nghiệm sàng lọc HIV. Số người nhiễm HIV đang còn sống là 248.388 trường hợp, tổng số người nhiễm HIV tử vong lũy tích là 116.390 trường hợp. Triển khai tư vấn xét nghiệm

⁸ Tính đến ngày 19/7/2025: Cả nước ghi nhận 97650 trường hợp nghi sởi, 11 trường hợp tử vong có dương tính với sởi tại 8 tỉnh/thành phố; số mắc tăng cao từ tháng 8/2024 và kéo dài sang các tháng đầu năm 2025 đã được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc với số mắc giảm liên tục, ở tất cả các nhóm tuổi từ tuần thứ 14 năm 2025 đến nay; Sốt xuất huyết: ghi nhận 38.222 trường hợp mắc, giảm 4,6%, 05 ca tử vong, giảm 01 trường hợp so với cùng kỳ năm 2024; Tay chân miệng: ghi nhận 31.459 trường hợp mắc, 0 ca tử vong; COVID-19: ghi nhận 14.688 trường hợp mắc, trong đó có 03 ca tử vong trong tình trạng nhiều bệnh lý nền nặng, không ghi nhận các ổ dịch tập trung. Các bệnh truyền nhiễm khác cơ bản ổn định, không ghi nhận ổ dịch tập trung.

cho khoảng hơn 200 nghìn lượt người; cung cấp dịch vụ can thiệp giảm hại cho 70 nghìn lượt đối tượng nguy cơ cao; điều trị Methadone cho khoảng hơn 45,6 nghìn người, điều trị ARV cho khoảng hơn 184 nghìn người.

- Tăng cường công tác phòng, chống bệnh không lây nhiễm. Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân và cộng đồng trong tự bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Ngày 09/01/2025, Bộ Y tế phối hợp với Hội Nhà báo Việt Nam tổ chức lễ Tổng kết và trao Giải Báo chí toàn quốc “Vì Sức khỏe nhân dân” lần thứ II với hơn 600 tác phẩm báo chí và hơn 1.000 nhà báo tham dự giải.

- Bộ Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới trong ngành y tế. Ban hành Thông tư số 09/2025/TT-BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc. Triển khai nghiên cứu, đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc lắp đặt, vận hành các trạm thu phát sóng tại khu vực dân sinh. Xây dựng Dự án "Xây dựng hệ thống y tế thích ứng với biến đổi khí hậu và môi trường bền vững tại Việt Nam".

- Tiếp tục triển khai phòng trào vệ sinh yêu nước, nâng cao sức khỏe nhân dân, thực hành vệ sinh cá nhân, sử dụng nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh trong công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Tổ chức khảo sát, chấm điểm cơ sở y tế "Xanh – Sạch – Đẹp". Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, khu vực lân cận, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

3.2. Công tác khám bệnh, chữa bệnh

- Tiếp tục tham mưu xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác; hoàn thiện hồ sơ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2021/TT-BYT quy định kê đơn thuốc bằng hình thức điện tử.

- Triển khai các giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong khám, chữa bệnh. Đẩy nhanh tiến độ triển khai đồng bộ Bệnh án điện tử, đảm bảo 100% cơ sở y tế trên toàn quốc triển khai thực hiện xong trước ngày 30/9/2025 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; triển khai Sổ Sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, kê đơn thuốc điện tử, đăng ký khám, chữa bệnh từ xa, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán viện phí qua ứng dụng VNeID, liên thông kết quả cận lâm sàng giữa các cơ sở y tế đảm bảo theo tiến độ Đề án 06 đề ra.

- Chỉ đạo triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý bệnh viện; an toàn người bệnh và an toàn cho nhân viên y tế. Đẩy nhanh tiến độ thẩm định, đánh giá liên quan tới Bệnh viện, kỹ thuật mới, phương pháp mới; tiến độ xây dựng Đề án cấp cứu ngoại viện giai đoạn 2025-2030; trình Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực hệ thống giám định pháp y, pháp y tâm thần và bắt buộc chữa bệnh tâm thần giai đoạn 2025-2030”. Tiếp tục ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến và đạt được nhiều thành công trong lĩnh vực ghép tạng và can thiệp tim bào thai.

3.3. Công tác an toàn thực phẩm

- Hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, gửi Bộ Tư pháp thẩm định⁹; tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Y tế đã tiếp tục gửi xin ý kiến các bộ ngành liên quan, trong đó đề xuất chuyển hình thức ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; đã tiếp thu ý kiến các bộ ngành và báo cáo Chính phủ¹⁰. Thông tin nội dung dự thảo Nghị định đến cộng đồng doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức có liên quan để biết và có kế hoạch triển khai. Nghiên cứu, đề xuất mô hình quản lý an toàn thực phẩm theo hướng thống nhất một đầu mối từ trung ương đến địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin giáo dục truyền thông về an toàn thực phẩm. Tính từ ngày 01/01/2025 đến 15/5/2025, trên 12 đầu báo viết và một số đầu báo điện tử điểm thường xuyên trên 550 tin bài về thực phẩm, trong đó khoảng hơn 270 tin, bài về quản lý an toàn thực phẩm; trên trang thông tin điện tử của Cục An toàn thực phẩm đã cập nhật hơn 200 tin bài về an toàn thực phẩm.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường từ Trung ương đến địa phương, có sự vào cuộc của các cấp, các ngành chức năng, đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nhiều vụ vi phạm với nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo đúng pháp luật, công khai kịp thời trên phương tiện thông tin đại chúng. Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương thành lập 05 Đoàn kiểm tra tại 10 tỉnh, thành phố; tại địa phương thành lập các Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành tại các cấp, từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong 6 tháng đầu năm 2025, toàn Ngành Y tế (tại Trung ương và địa phương) đã kiểm tra 252.669 cơ sở, phát hiện 14.107 cơ sở vi phạm về an toàn thực phẩm chiếm 5,58%; đã xử lý 3.811 cơ sở (chiếm 27,01% số cơ sở vi phạm), tăng so với cùng kỳ năm 2024 (22,2%), trong đó phạt tiền 3.132 cơ sở với số tiền phạt là 17,6 tỷ đồng, đình chỉ hoạt động 40 cơ sở; 256 cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm với 141 loại thực phẩm. Cục An toàn thực phẩm đã triển khai 08 đoàn thanh tra, kiểm tra¹¹; hậu kiểm việc kinh doanh quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên internet và môi trường mạng.

⁹ Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long (Tờ trình số 78/TTr-BYT ngày 20/01/2025) và đã được đồng ý áp dụng trình tự thủ tục rút gọn, gửi Bộ Tư pháp thẩm định Công văn số 1431/BYT-ATTP ngày 13/3/2025.

¹⁰ Tại Công văn số 4224/BYT-ATTP ngày 02/7/2025 của Bộ Y tế.

¹¹ 01 đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ và Lễ hội Xuân 2025 tại Lạng Sơn, Thái Nguyên; 01 đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong đợt Tháng hành động vì an toàn thực phẩm tại Bình Phước, TP. Hồ Chí Minh; 01 đoàn kiểm tra đột xuất về an toàn thực phẩm tại TP. Hà Nội, Hòa Bình; 05 đoàn kiểm tra đột xuất thực hiện tháng cao điểm đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Bắc Ninh, Thái Bình, Đồng Nai, Nam Định, Hà Nội.

- Đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ các sự kiện lớn¹². Tiếp tục tăng cường công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, trường học, ngộ độc thực phẩm do thức ăn đường phố¹³. Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, khuyến khích giết mổ tập trung, quản lý chặt chẽ việc kinh doanh, sử dụng hóa chất trong nông nghiệp. Đến tháng 6 năm 2025, toàn quốc ghi nhận 35 vụ ngộ độc thực phẩm làm 376 người mắc và 11 người tử vong. So với cùng kỳ năm 2024, số vụ giảm 37 vụ, số mắc giảm 2565 người, số tử vong giảm 02 người.

- Chủ động rà soát trên các báo, đài, website, mạng xã hội cũng như nhận được thông tin từ phóng viên, người tiêu dùng qua mail của Cục phản ánh về các sản phẩm vi phạm quy định về quảng cáo. Đăng cảnh báo trên website Cục An toàn thực phẩm, chuyển Cục Thương mại điện tử và kinh tế số - Bộ Công Thương, Cục phát thanh truyền hình và thông tin điện tử về các đường link có sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe vi phạm quy định về quảng cáo. Chỉ đạo địa phương đề nghị kiểm tra, xác minh, xử lý các vụ việc về vi phạm an toàn thực phẩm (Ngân Collagen, Ngân 98, Nestle...); rà soát lại việc phân nhóm sản phẩm và việc ghi nhãn, đặc biệt là nội dung liên quan đến các khuyến cáo về sức khỏe đối với các sản phẩm thực phẩm bổ sung.

3.4. Y, dược cổ truyền

- Tập trung xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh theo y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; phác đồ điều trị kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại phục vụ công tác kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám và chữa bệnh. Chuẩn hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền phục công tác phát triển dược liệu và thuốc cổ truyền đảm bảo chất lượng.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030. Xây dựng các Đề án về nâng cao năng lực quản lý nhà nước về Y dược cổ truyền, Đề án phổ cập phương pháp điều trị không dùng thuốc bằng y học cổ truyền tại tuyến y tế cơ sở, Đề án kế thừa và phát triển các phương pháp khám chữa bệnh dân gian...

¹² Như Hội nghị toàn quốc của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến; Kỳ họp bất thường lần thứ 9 Quốc hội khoá XV; Kỷ niệm 70 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/2; Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025).

¹³ Bộ Y tế ban hành công văn số 2657/BYT-ATTP ngày 05/5/2025 về việc tăng cường quản lý an toàn thực phẩm, ngăn ngừa thực phẩm giả để triển khai Công điện số 40/CD-TTg ngày 17/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý vụ việc sản xuất, phân phối sữa giả; ban hành Công văn số 2633/BYT-ATTP ngày 30/4/2025 về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống thực phẩm giả, ngộ độc thực phẩm triển khai Công điện số 41/CD-TTg ngày 17/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý vụ việc sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Công văn số 3565/VPCP-KGVX ngày 24/4/2025 của Văn phòng Chính phủ về xử lý thông tin phản ánh về việc gia tăng các vụ ngộ độc thực phẩm.

- Tổ chức Hội thảo khoa học y dược cổ truyền toàn quốc lần thứ 3 với chủ đề: "Y dược cổ truyền kết hợp y dược hiện đại trong điều trị bệnh không lây nhiễm". Phối hợp với UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND tỉnh Hưng Yên tổ chức chuỗi các hoạt động kỷ niệm 300 năm ngày sinh Hải Thượng Lãn Ông – Lê Hữu Trác nhân dịp ông được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) vinh danh là danh nhân văn hóa thế giới.

3.5. Công tác dân số

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Dân số để trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025)¹⁴, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh số 07/2025/UBTVQH15 ngày 03/6/2025 sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số. Hoàn thiện Dự thảo Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; dự thảo Đề án xây dựng, phát triển nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; dự thảo Đề án sửa đổi bổ sung Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030 bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng nhân dân 50/63¹⁵ tỉnh, thành phố đã ban hành các Nghị quyết quy định một số chính sách về công tác dân số trên địa bàn tỉnh, trong đó có 25/50¹⁶ tỉnh, thành phố vẫn tiếp tục ban hành và triển khai, thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội về các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, xử lý tai biến do sử dụng biện pháp tránh thai; hỗ trợ cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đã sinh đủ hai con sử dụng các biện pháp tránh thai lâu dài; mua phương tiện tránh thai. 11/33¹⁷ tỉnh mức sinh cao đã ban hành Nghị quyết về các chính sách khen thưởng, khuyến khích các xã, phường, thị trấn đạt 03 năm, 5 năm liên tục không có người sinh con thứ ba trở lên. 10/30¹⁸ tỉnh, thành phố có mức sinh thấp và mức sinh thay thế đã ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ, khuyến khích sinh đủ hai con đối với tập thể, cá nhân¹⁹.

¹⁴ Bộ Y tế đã có Tờ trình Chính phủ Dự thảo Luật Dân số: Tờ trình số 506/TTr-BYT ngày 21/4/2025; Tờ trình tóm tắt số 507/TTr-BYT ngày 21/4/2025; Báo cáo số 505/BC-BYT ngày 21/4/2025 về đánh giá tác động chính sách Luật Dân số. Hiện Cục Dân số đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định để hoàn thiện trình Chính phủ.

¹⁵ 13 tỉnh không ban hành Nghị quyết về công tác dân số: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Tây Ninh, Trà Vinh, Sóc Trăng và Đồng Tháp.

¹⁶ Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Dương, Bình Phước, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, An Giang.

¹⁷ Lạng Sơn, Yên Bái, Sơn La, Lai Châu, Hưng Yên, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đắk Nông.

¹⁸ Hải Phòng, Bình Thuận, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Hậu Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu.

¹⁹ Như khen và thưởng tiền cho các xã, phường, thị trấn đạt và vượt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 2 con, hỗ trợ tiền hoặc hiện vật cho phụ nữ sinh đủ 2 con trước 35 tuổi. Ngoài ra, tỉnh Long An còn có thêm chính sách giảm 50% học phí đối với học sinh trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Hậu Giang hỗ trợ các chi phí y tế 1 lần (sinh con) đối với phụ nữ sinh đủ 2 con trước 35 tuổi, không vi phạm chính sách dân số; thành phố Hải Phòng là 1 trong 9 tỉnh/TP đạt mức sinh thay thế có chính sách khen và thưởng tiền cho các xã đạt 70% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 2 con.

Một số tỉnh, thành phố đã xây dựng và triển khai, nhân rộng các mô hình, câu lạc bộ nhằm thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu về công tác dân số phù hợp với từng vùng, từng đối tượng. Triển khai Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số phù hợp với từng vùng mức sinh đợt I/2025 tại 32 tỉnh, thành phố, trong đó 25 tỉnh thuộc vùng mức sinh cao²⁰; 07 tỉnh/TP thuộc vùng mức sinh thay thế và mức sinh thấp²¹.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 theo Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh theo Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025 theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo Quyết định 1579/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025, tỷ số giới tính khi sinh là 111,3 bé trai/100 bé gái sinh ra sống, thấp hơn 0,1 so với kết quả cuối năm 2024 (111,4), dự kiến đạt chỉ tiêu năm 2025 (111); 51,61% phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh đủ 4 bệnh; 47,01% trẻ sơ sinh được sàng lọc sơ sinh đủ 5 bệnh; 67,72% cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, ước thực hiện cả năm 2025 tăng so với năm 2024 là 13,8%; 42,5% người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ, ước cả năm 2025 đạt chỉ tiêu 70%.

3.6. Công tác bà mẹ và trẻ em

- Bộ Y tế ban hành Thông tư 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 16/2025/TT-BYT ngày 14/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực bà mẹ và trẻ em; Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28/6/2025 quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh. Xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật²².

²⁰ Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Điện Biên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum.

²¹ Hà Nội, Hải Phòng, Bình Định, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Tháp, Kiên Giang.

²² 1) Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (các phần Làm mẹ an toàn, Chăm sóc và điều trị sơ sinh, Kế hoạch hóa gia đình, Phá thai an toàn, Nam học); (2) Hướng dẫn tư vấn, xét nghiệm sàng lọc 3 bệnh lây truyền từ mẹ sang con ở TYT xã; (3) Hướng dẫn sử dụng sữa mẹ thanh trùng; (4) Hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe tình dục; (5) Hướng dẫn sàng lọc ung thư vú; (6) Hướng dẫn quy trình kỹ thuật thực hiện 04 Gói dịch vụ cơ bản về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản do trạm y tế xã thực hiện (bao gồm: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai và sàng lọc trước sinh; Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà sau sinh; Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi không đi học; Sàng lọc ung thư cổ tử cung).

- Hoàn thành Báo cáo của Chính phủ gửi Quốc hội về kết quả thực hiện quyền trẻ em năm 2024; Báo cáo của Chính phủ gửi Quốc hội về triển khai thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em. Ban hành Kế hoạch của Bộ Y tế thực hiện Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc.

- Tiếp tục triển khai, đánh giá thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án lĩnh vực bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản: Chương trình Can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2030; Chương trình chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời; Kế hoạch hành động quốc gia về Chăm sóc sức khỏe sinh sản, tập trung vào chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch hành động quốc gia về Dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung giai đoạn 2016-2025; Kế hoạch hành động quốc gia về Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên; Triển khai các can thiệp về cải thiện dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em trong khuôn khổ các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, các dự án hợp tác quốc tế và trong nước.

- Duy trì và phát triển mạng lưới cô đỡ thôn bản: Hoàn thiện hồ sơ trình gia hạn Dự án Hỗ trợ cô đỡ thôn bản do Tập đoàn Vingroup tài trợ; nghiên cứu căn cứ đề xuất tăng mức hỗ trợ hằng tháng đối với cô đỡ thôn, bản so với mức lương cơ sở; tổng hợp việc cam kết tiếp tục thực hiện dự án Hỗ trợ cô đỡ thôn, bản của các tỉnh có mạng lưới cô đỡ thôn, bản hoạt động.

- Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo về vi phạm quyền trẻ em thông qua đơn thư, Tổng đài 111 theo quy định. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Tổng đài 111 đã tiếp nhận 169.769 cuộc gọi đến (tăng 42.492 cuộc so với cùng kỳ năm 2024), 1.264 lượt thông báo qua ứng dụng zalo và app (tăng 503 lượt so với cùng kỳ năm 2024). Tổng đài 111 đã tư vấn 15.558 cuộc (tăng 2.065 cuộc so với cùng kỳ năm 2024) và hỗ trợ, can thiệp cho 581 trường hợp với 692 trẻ em (giảm 39 trường hợp với 23 trẻ em so với cùng kỳ năm 2024).

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục, vận động xã hội, trong 6 tháng đầu năm 2025 đã sản xuất và phát sóng 25 Chương trình truyền hình Vì trẻ em; 22 chương trình Chuyện nhà; 01 phóng sự và 14 tin phát sóng truyền hình; hơn 240 tin, bài, clip về lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em đăng trên trang Fanpage, kênh Youtube Vì trẻ em. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ tổ chức thành công Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em năm 2025. Tổ chức hoạt động hưởng ứng ngày Thế giới phòng chống lao động trẻ em (ngày 12/6).

- Tiếp tục phối hợp với Bộ Công an thực hiện tích hợp Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ, trẻ em phiên bản điện tử lên VneID; chỉ đạo các tỉnh, thành phố tiếp tục rà soát, thu nhập, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu trẻ em và cập nhật thông tin dữ liệu trẻ em lên phần mềm quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở thực hiện Đề án số 06. Xây dựng và triển khai thí điểm Hệ thống thông tin chăm sóc sức khỏe sinh sản tại 7 tỉnh: Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông.

3.7. Công tác bảo trợ xã hội

- Ước thực hiện hoàn thành 6/6 chỉ tiêu thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội: (1) Bảo đảm 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói; hướng dẫn các địa phương chủ động phòng chống, khắc phục hậu quả do thiên tai; (2) Bảo đảm 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; (3) Bảo đảm trên 91% người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc; (4) Bảo đảm trên 91% người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng; (5) 100% người bán dâm có nhu cầu được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ hỗ trợ xã hội phù hợp; (6) 100% nạn nhân bị mua bán có nhu cầu được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

- *Triển khai chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên*²³, đến tháng 6/2025, có 32 tỉnh, thành phố quy định thêm các đối tượng thuộc diện trợ cấp, trợ giúp chưa được quy định trong Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; 05 tỉnh, thành phố nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội cao hơn mức chuẩn quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP; 61 tỉnh, thành phố thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng qua cơ quan bưu điện Việt Nam; 63 tỉnh, thành phố triển khai công tác chi trả không dùng tiền mặt cho 1,9 triệu đối tượng bảo trợ xã hội qua tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán (91,2% số đối tượng có tài khoản và 50,8% tổng số đối tượng).

- *Thực hiện công tác trợ giúp khẩn cấp*, chỉ đạo các địa phương theo dõi chặt chẽ, chủ động ứng phó thiên tai, giảm thiểu thiệt hại đời sống dân sinh. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Bộ Y tế đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ tổng số 668,505 tấn gạo cho 9.397 hộ với 32.148 nhân khẩu thiếu đói dịp giáp hạt đầu năm 2025 của 03 tỉnh: Tuyên Quang, Bắc Kạn và Hà Giang, bằng với số gạo địa phương đề nghị hỗ trợ.

- *Thực hiện công tác người cao tuổi*, trình ban hành Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; nghiên cứu tham mưu Thủ tướng Chính phủ kiện toàn Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam. Cả nước hiện có gần 17 triệu người cao tuổi. Trong đó, hơn 2,5 triệu người cao tuổi đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng; 1,2 triệu người cao tuổi hưởng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng; khoảng 2 triệu người hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (gồm hưởng trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi và hưởng trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật); khoảng 10 nghìn người đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội; 95% người cao tuổi có thể

²³ Cả nước đang thực hiện trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP²³ cho khoảng 3,4 triệu người, trong đó có gần 1,4 triệu người cao tuổi, hơn 1,6 triệu người khuyết tật, 15 nghìn trẻ em mồ côi, mất nguồn nuôi dưỡng, 134 nghìn trẻ em hưởng chế độ đối với trẻ em dưới 3 tuổi, 80 nghìn người đơn thân nghèo đang nuôi con; hỗ trợ kinh phí chăm sóc hằng tháng cho 415 nghìn hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội. Tổng ngân sách chi trả trợ cấp xã hội cho các đối tượng trong tháng 4 là khoảng 2.700 tỷ đồng

BHYT, 32% người cao tuổi được lập hồ sơ quản lý theo dõi sức khỏe ban đầu; 100% người cao tuổi khi tham gia giao thông công cộng được miễn giảm giá vé.

- *Thực hiện công tác người khuyết tật*, cả nước có trên 8 triệu người khuyết tật, chiếm 6,11% dân số từ 2 tuổi trở lên, trong đó có 28,3% là trẻ em tương đương gần 2 triệu, khoảng 10% người khuyết tật thuộc hộ nghèo và cận nghèo; có khoảng 1,71 triệu người khuyết tật đặc biệt nặng và nặng đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, có trên 3 triệu người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận khuyết tật. Nghiên cứu tham mưu kiện toàn Ủy ban quốc gia người khuyết tật Việt Nam; xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình, đề án trợ giúp người khuyết tật năm 2025; tham gia rà soát, góp ý các văn bản quy phạm, văn bản hợp tác quốc tế có liên quan đến người khuyết tật; góp ý kế hoạch, hoạt động của các tổ chức Hội của người khuyết tật.

- *Triển khai các Chương trình phát triển công tác xã hội*; Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; Chương trình khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh; Bảo vệ môi trường tại các cơ sở trợ giúp xã hội; đồng thời hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện. Đội ngũ làm công tác xã hội hiện có khoảng 235 nghìn người, trong đó có 35.000 công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội công lập và ngoài công lập, gần 100 nghìn người làm việc tại các hội, đoàn thể các cấp; trên 100 nghìn cộng tác viên giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ trẻ em và phát triển cộng đồng... tạo thành một mạng lưới cán bộ, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội trợ giúp các đối tượng yếu thế ở các cơ sở và cộng đồng, góp phần trợ giúp cho người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận, thụ hưởng các chính sách phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục, học nghề, tìm việc làm để ổn định cuộc sống.

- *Thực hiện Quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, cả nước đã thành lập được 425 cơ sở trợ giúp xã hội (191 cơ sở công lập và 234 cơ sở ngoài công lập) đáp ứng nhu cầu trợ giúp xã hội cho 30% đối tượng. Mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, lao động và dạy nghề, hoạt động thể dục thể thao, văn hóa và chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng.

- *Thực hiện công tác phòng, chống mại dâm*, đánh giá thực trạng, xây dựng phương án Luật Phòng, chống mại dâm (dự kiến trình Bộ giai đoạn 2025-2030); hoàn thiện tài liệu hướng dẫn mô hình thí điểm hỗ trợ người bán dâm hòa nhập cộng đồng; thực hiện chức năng là Cơ quan Thường trực về phòng, chống mại dâm của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm.

- *Công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán*, đến hết tháng 6/2025, các cơ quan đã xác minh, tiếp nhận 202 người, xác định 46 người là nạn nhân bị mua bán²⁴, bao gồm 20 nạn nhân bị mua bán trong nước, 26 nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài (Lào: 15 người, Campuchia: 5 người, Trung Quốc: 9 người). Sau khi tiếp

²⁴ Trong đó có 12 người là nữ dưới 16 tuổi, 3 người là nữ từ 16 đến 18 tuổi, 8 người là nữ trên 18 tuổi; 6 người là nam dưới 16 tuổi, và 17 là nam trên 18 tuổi.

nhận, các nạn nhân đã được các cơ quan chức năng lập hồ sơ, tiến hành các thủ tục hỗ trợ theo quy định²⁵. Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024.

4. Khoa học công nghệ và đào tạo

4.1. Công tác đào tạo nhân lực y tế

- Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Y tế thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chuẩn năng lực nghề nghiệp trình độ đại học; tổ chức nghiệm thu 11/11 dự thảo chuẩn chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học lĩnh vực sức khỏe, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để thẩm định, ban hành.

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 03/4/2025 phê duyệt Đề án “Phát triển Trường Đại học Y Hà Nội thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia thuộc nhóm hàng đầu châu Á”. Xây dựng Đề án đảm bảo nguồn nhân lực cho các trạm y tế cấp xã đến năm 2030; Đề án tăng cường đào tạo được sĩ lâm sàng. Xây dựng Nghị định quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực sức khỏe; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng đào tạo nhân lực y tế, kịp thời chấn chỉnh và chỉ đạo công tác đào tạo, đào tạo liên tục cán bộ y tế. Tiếp tục hướng dẫn, giám sát triển khai Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe. Tổ chức thẩm định năng lực đào tạo và giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú các chuyên ngành cho các cơ sở đào tạo nhân lực y tế. Phối hợp thẩm định hồ sơ mở mã ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe và cho ý kiến về nhu cầu nhân lực ngành đề xuất mở và các điều kiện về tổ chức đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Từng bước tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực y tế tuyến dưới, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn thông qua đào tạo, đưa bác sỹ trẻ về vùng khó khăn. Triển khai Dự án “Thí điểm đưa Bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại vùng khó khăn” giai đoạn 2021-2030. Đến nay Dự án đã tiếp nhận 449 bác sỹ chuyên khoa cấp I khu vực miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây nguyên, duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nam Bộ; đã tổ chức khai giảng 10 lớp đào tạo bác sỹ chuyên

²⁵ Nạn nhân được sắp xếp chỗ ăn, ở an toàn, được tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu, được chuyển tuyến về gia đình và các cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở trợ giúp xã hội. Căn cứ nhu cầu, nguyện vọng của nạn nhân, các lực lượng chức năng đã thực hiện bảo vệ an toàn cho 25 người, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho 28 người, hỗ trợ chi phí đi lại cho 19 người, hỗ trợ y tế cho 19 người, hỗ trợ tâm lý cho 33 người, trợ giúp pháp lý cho 27 người, hỗ trợ việc làm cho 02 người, hỗ trợ học nghề cho 2 người theo quy định của pháp luật.

khoa cấp I tại Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Y Dược Huế, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.

4.2. Công tác khoa học công nghệ y tế

- Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực y tế thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; Thông tư thay thế Thông tư số 29/2018/TT-BYT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về thử thuốc trên lâm sàng.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai một số dự án trọng điểm (thử nghiệm lâm sàng kỹ thuật Car-T điều trị ung thư, thử nghiệm lâm sàng tế bào gốc điều trị một số bệnh nan y, mạn tính, làm việc với các đối tác nước ngoài để hợp tác chuyển giao, thử nghiệm vắc xin điều trị ung thư theo công nghệ mRNA...). Triển khai và hoàn thành quy trình xác định danh mục đặt hàng các nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2025 đối với 05 Chương trình khoa học công nghệ giai đoạn 2025-2030.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực y tế, tiếp cận trình độ của các nước trong khu vực và trên thế giới; làm chủ được các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh, tật ở người như ghép tạng, trị liệu tế bào gốc, mổ nội soi, kỹ thuật sinh học phân tử, y học hạt nhân; làm chủ được các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong nghiên cứu và sản xuất vắc xin theo công nghệ mRNA, sản xuất thuốc từ dược liệu trong nước và thuốc y học cổ truyền. Đến tháng 6/2025 đã tổ chức thẩm định và phê duyệt/nghiệm thu 20 nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng thuốc, vắc xin, kỹ thuật mới/phương pháp mới. Tổ chức thực hiện đợt đánh giá của Tổ chức Y tế thế giới để đánh giá chính thức chức năng NRA đối với thử nghiệm lâm sàng thuốc, vắc xin (kết quả đạt 94%, mức ML2).

- Triển khai công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ và duy trì thực hiện hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế. Tập trung xây dựng các TCVN, QCVN phục vụ quản lý chất lượng thuốc, thiết bị y tế, thực phẩm, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường y tế, cơ sở dữ liệu y tế.

5. Dược, hạ tầng và thiết bị y tế

5.1. Quản lý dược

- Triển khai xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược, trình ban hành Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ và 03 Thông tư của Bộ Y tế²⁶. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng

²⁶ (i) Thông tư số 12/2025/TT-BYT quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc thay thế Thông tư số 08/2022/TT-BYT; (ii) Thông tư số 11/2025/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, Thông tư số 03/2018/TT-BYT quy định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Thông tư số 36/2018/TTBYT quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; (iv) Thông tư số 34/2025/TT-

Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý mỹ phẩm (Tờ trình số 99/TTr-BYT ngày 22/01/2025).

- Cơ bản bảo đảm cung ứng đủ thuốc có chất lượng, an toàn, hiệu quả để phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe của người dân. Chủ động đảm bảo nguồn cung đối với một số thuốc hiếm, thuốc có nguồn cung hạn chế. Rà soát, sửa đổi quy trình xử lý, thẩm định, cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, đảm bảo tiến độ cấp phép đúng thời gian quy định, thuốc được cấp phép đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng. Trong 06 tháng đầu năm 2025, Cục Quản lý Dược đã cấp, gia hạn cho 3.175 thuốc (cấp 1.759 thuốc, gia hạn 1.416 thuốc), công bố 04 đợt danh mục các thuốc biệt dược gốc, 04 đợt danh mục thuốc có chứng minh tương đương sinh học; giải quyết 3.024 hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; 597 hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung thông tin, quảng cáo thuốc; 51 hồ sơ đánh giá GSP cho cơ sở xuất nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Kịp thời giải quyết hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu thuốc chưa có giấy đăng ký lưu hành²⁷.

- Tiếp tục triển khai Chương trình bảo đảm nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng đến năm 2030, báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1286/QĐ-TTg liên quan đến mục tiêu Chương trình đối với vắc xin 5 trong 1 và kết quả triển khai Chương trình năm 2024 của các đơn vị, địa phương.

- Trong 6 tháng đầu năm 2025, mặc dù tình hình thị trường quốc tế có nhiều biến động, tuy nhiên, với việc triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý giá thuốc quy định tại Luật Giá, Luật Dược, Nghị định hướng dẫn Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã giúp thị trường dược phẩm vẫn được duy trì bình ổn. Ban hành Kế hoạch triển khai cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” của Bộ Y tế năm 2025; tiếp tục tổ chức, triển khai chương trình/giải thưởng “Ngôi sao thuốc Việt” nhằm tôn vinh và cổ vũ các doanh nghiệp dược trong nước tham gia tích cực hơn trong công cuộc phát triển ngành dược Việt Nam theo định hướng chiến lược của Chính phủ.

- Tỷ lệ thuốc không đạt chất lượng do hệ thống kiểm tra chất lượng nhà nước thực hiện vẫn duy trì ở mức thấp dưới 1%. Tiến hành xử lý đối với 21 mẫu thuốc và thu hồi 04 lô thuốc trên toàn quốc; 02 thuốc thu hồi tự nguyện; xử lý 03 báo cáo liên quan đến thuốc giả, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ (23 thuốc). Xây dựng Đề án quy hoạch hệ thống các cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định Nhà nước và kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

- Công bố các danh mục phục vụ công tác đấu thầu thuốc, đăng ký thuốc. Đã xử lý 1058 hồ sơ đề nghị đánh giá đáp ứng GMP của cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại nước ngoài; trong đó công bố 04 đợt với 660 hồ sơ được công bố Danh sách hồ sơ đáp ứng GMP của cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc nước ngoài khi đăng ký lưu hành tại Việt Nam.

BYT ngày 3/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2011/TT-BYT quy định về quản lý mỹ phẩm.

²⁷ Thuốc đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt của cơ sở khám, chữa bệnh; thuốc viện trợ, viện trợ nhân đạo; thuốc phòng chống dịch bệnh (sốt xuất huyết, tay-chân-miệng, sởi...), đơn hàng đề nghị nhập khẩu thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt, hồ sơ đề nghị xác nhận thông tin, quảng cáo thuốc.

- Tiến hành 21 đợt đánh giá GMP, GLP. Hiện nay đã có 242 nhà máy sản xuất của 205 công ty đạt tiêu chuẩn GMP, trong đó có 162 nhà máy tân dược, 7 nhà máy sản xuất vắc xin, 15 nhà máy sản xuất sinh phẩm, 8 nhà máy sản xuất nguyên liệu tân dược, 92 nhà máy đông dược, 55 nhà máy sản xuất nguyên liệu đông dược; 41 cơ sở kiểm nghiệm đáp ứng GLP.

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 03/QĐ-TTg ngày 02/01/2025 về việc phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành Dược giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045; Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5.2. Hạ tầng và thiết bị y tế

- Bộ Y tế tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ;

- Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Thông tư về phân nhóm thiết bị y tế theo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng; Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình: Bệnh viện đa khoa và Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (CDC).

- Tập trung quản lý, cấp phép, gia hạn thuốc, thiết bị y tế; giải quyết triệt để các hồ sơ tồn đọng. Tính đến ngày 22/5/2025, Bộ Y tế đã tiếp nhận 2.976 hồ sơ về giấy phép nhập khẩu được gia hạn đến ngày 30/6/2025 theo quy định tại Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ; trong đó cấp phép 2.357 hồ sơ (đạt 79,2%), số hồ sơ thu hồi đã thu hồi/từ chối cấp hoặc đã hủy là 304(10,2%); số hồ sơ đã thẩm định nhưng chưa đạt yêu cầu và đã có văn bản gửi đơn vị là 315 hồ sơ (10,6%), trong đó hồ sơ nộp lại là 209 (7%), hồ sơ chờ bổ sung là 106 (3,6%). Về Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành loại C, D: Số hồ sơ đã tiếp nhận theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP là 16.366 hồ sơ; số hồ sơ đã thẩm định là 15.608 (đạt 95,4%); số hồ sơ đang xử lý lần đầu nhưng chưa có văn bản thẩm định gửi đơn vị là 758.

- Tham mưu Chính phủ ban hành và khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/CP ngày 13/02/2025 về cơ chế, giải pháp xử lý khó khăn, vướng mắc tại Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai và Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức để hoàn thành trong năm 2025.

6. Thông tin và chuyển đổi số y tế

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 102/2025/NĐ-CP ngày 13/5/2025 Quy định quản lý dữ liệu y tế. Ban hành Thông tư số 13/2025/TT-BYT ngày 6/6/2025 hướng dẫn triển khai bệnh án điện tử. Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành Bộ Tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin y tế; rà soát, sửa

đổi các quy định pháp lý về kết nối, khai thác dữ liệu, về bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động y tế trên nền tảng số...

- Tập trung đẩy mạnh triển khai Đề án 06 về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động, dịch vụ của ngành y tế. Trong 06 tháng đầu năm 2025, Bộ Y tế đã ban hành: 07 Quyết định²⁸ và nhiều văn bản đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị triển khai xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

- Tổng hợp ý kiến các bộ ngành liên quan để hoàn thiện dự thảo Đề án tổng thể phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số y tế đến năm 2030 trình Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức cập nhật kiến trúc Chính phủ số Bộ Y tế phiên bản 4.0, dự kiến trình ban hành trong năm 2025. Phối hợp với Bộ Công an triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VneID đã được triển khai trên toàn quốc; hoàn thành 24.429.721 hồ sơ sức khỏe của người dân. Chỉ đạo các đơn vị triển khai bệnh án điện tử: đến nay, có 251 cơ sở khám, chữa bệnh triển khai bệnh án điện tử²⁹. Hoàn thành triển khai thí điểm Hệ thống điều phối dữ liệu y tế tại Bệnh viện Bạch Mai với các cơ sở y tế của Bắc Ninh, Thái Nguyên, Bệnh viện Chợ Rẫy với các cơ sở y tế của Bình Dương, An Giang.

- Bộ Y tế đã triển khai xây dựng Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Y tế. Đến tháng 6/2025, Bộ Y tế có 112/259 dịch vụ công trực tuyến được tích hợp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Bộ Y tế cũng đã kết nối 55 dịch vụ công trực tuyến với Cổng thông tin một cửa quốc gia đối với các thủ tục hành chính liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa thuộc lĩnh vực y tế. Hoàn thiện phiên bản di động của Cổng dịch vụ công trực tuyến Bộ Y tế (gồm bản chạy trên hệ điều hành Android và iOS), để người dân, doanh nghiệp có thể theo dõi việc xử lý, nộp bổ sung hồ sơ trên các thiết bị di động.

7. Tài chính y tế

- Tham mưu ban hành Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành Luật

²⁸ Quyết định số 2183/QĐ-BYT ngày 1/7/2025 Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Y tế thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về việc thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Quyết định số 2124/QĐ-BYT ngày 26/6/2025 Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về việc thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Quyết định số 2068/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí hoạt động chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo; Quyết định số 2038/QĐ-BYT ngày 23/6/2025 Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 102/2025/NĐ-CP ngày 13/5/2025 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu y tế; Quyết định số 1362/QĐ-BYT ngày 22/4/2025 phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Y tế năm 2025; Quyết định số 1150/QĐ-BYT ngày 3/4/2025 ban hành Kế hoạch triển khai hồ sơ bệnh án điện tử của Bộ Y tế; Quyết định số 289/QĐ-BYT ngày 23/1/2025 về danh mục dữ liệu mở của Bộ Y tế (phiên bản 1.0).

²⁹ Trong đó: tỉnh Quảng Ninh là địa phương có số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai bệnh án điện tử nhiều nhất là 22 cơ sở.

Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ. Bộ Y tế ban hành Thông tư 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế. Tiếp tục xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15.

- Báo cáo Chính phủ đề tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; hoàn thành phân bổ 100% kế hoạch vốn đầu tư công 2025 cho các dự án đủ thủ tục đầu tư. Đôn đốc các đơn vị/chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 và vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội. Triển khai tổng kiểm kê tài sản công của Bộ Y tế.

- Trình Nghị quyết của Chính phủ về giải quyết vướng mắc, khó khăn trong quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Y tế đã chuyển hình thức văn bản thành Nghị định của Chính phủ và xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương để hoàn thiện, báo cáo Chính phủ.

- Thực hiện phê duyệt giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 cho các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và một số bệnh viện thuộc bộ ngành; xây dựng giá dịch vụ y tế dự phòng. Nghiên cứu tiếp tục thực hiện tính yếu tố chi phí quản lý vào giá dịch vụ y tế theo lộ trình tính đúng, tính đủ, đảm bảo vừa điều chỉnh được giá nhưng vẫn thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy lộ trình BHYT toàn dân.

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổng hợp, báo cáo Chính phủ về việc giải quyết vướng mắc, khó khăn trong quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; gửi Bộ Tài chính báo cáo kết quả huy động, sử dụng và thanh toán, quyết toán tổng thể nguồn lực chi cho phòng, chống dịch COVID-19 giai đoạn 2020- 2022.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Về quản trị hệ thống y tế

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật còn chậm, chưa kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, bất cập, điểm nghẽn. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật còn chưa đồng bộ.

- Công tác thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực chuyên ngành y tế, quản lý y tế tư nhân còn hạn chế.

1.2. Về cung ứng dịch vụ y tế

- Sự chênh lệch về chỉ số sức khỏe cơ bản như tuổi thọ trung bình, tử vong trẻ em, suy dinh dưỡng trẻ em giữa các vùng miền chưa được cải thiện. Tử vong mẹ và tử vong trẻ em ở vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn cao hơn 2-3 lần so với vùng đồng bằng, thành thị. Tuổi thọ trung bình người Việt Nam tăng lên

và đạt 74,7 tuổi (năm 2024), nhưng tuổi thọ khỏe mạnh chỉ đạt 65,4 tuổi³⁰.

- Chất lượng dịch vụ tại y tế cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, chưa thực hiện tốt việc quản lý, tư vấn, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chưa có cơ chế bảo đảm thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho mọi người dân; việc khám sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến gia tăng chi phí điều trị, giảm hiệu quả điều trị.

- Việc vượt tuyến khám bệnh, chữa bệnh xảy ra khá phổ biến; tiếp cận các bệnh viện cấp chuyên sâu ở một số khu vực còn hạn chế³¹. Kết hợp giữa y học cổ truyền với y học hiện đại trong một số cơ sở còn hình thức, hiệu quả chưa cao; tỷ lệ khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền vẫn còn thấp.

- Tình hình ngộ độc thực phẩm vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, đặc biệt tại các bếp ăn tập thể của các công ty, doanh nghiệp, trường học và do thức ăn đường phố. Tình trạng thực phẩm giả diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng, đặc biệt qua các kênh thương mại điện tử, mạng xã hội và bán lẻ.

1.3. Về công tác dân số

- Mức sinh thay thế trên phạm vi toàn quốc chưa thực sự vững chắc. Tổng tỷ suất sinh trên toàn quốc đang có xu hướng giảm dưới mức sinh thay thế, giảm từ 2,11 con/phụ nữ (2021) xuống 2,01 con/phụ nữ (2022); 1,96 con/phụ nữ (2023) và 1,91 con/phụ nữ (2024), mức giảm thấp nhất trong lịch sử và được dự báo là sẽ tiếp tục giảm trong các năm tiếp theo³². Mức sinh có sự chênh lệch đáng kể giữa các vùng, đối tượng³³.

- Mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn còn cao; chưa có giải pháp đồng bộ, toàn diện, hiệu quả để phát huy lợi thế thời kỳ “dân số vàng”. Việt Nam là một trong số quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới, dự báo đến năm 2036, nước ta bắt đầu thời kỳ dân số già, với tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên đạt 14,2%³⁴. Nếu không có các giải pháp thích ứng kịp thời, già hóa dân số, dân số già sẽ dẫn tới các thách thức với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là nguy cơ thiếu hụt lao động và việc chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

1.4. Về bảo trợ xã hội

- Cơ sở vật chất của các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc, phục hồi chức năng cho đối

³⁰ WHO - <https://data.who.int/countries/704>

³¹ Vùng Tây Nguyên; vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

³² Tổng tỷ suất sinh năm 2021 là 2,11 con/phụ nữ, giảm xuống 2,01 năm 2022, 1,96 năm 2023. Tốc độ tăng dân số bình quân giai đoạn 2017-2020 là 1,07%, giảm xuống 0,85% năm 2023.

³³ 02/06 vùng kinh tế - xã hội có mức sinh rất thấp dưới mức sinh thay thế. Mức sinh ở nông thôn luôn cao hơn thành thị và tiếp tục nở rộng. Phụ nữ nhóm nghèo nhất có mức sinh cao nhất (2,40 con/phụ nữ); các nhóm còn lại có trung bình 2 con. Phụ nữ trình độ sơ cấp có trung bình 3,71 con/phụ nữ, trình độ đại học 1,85 con/phụ nữ.

³⁴ Theo Cục Thống kê, dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2019-2069.

tượng bảo trợ xã hội, chất lượng nguồn nhân lực còn thiếu và chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Công tác chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi còn hạn chế, nhiều địa phương khó khăn trong việc bố trí nguồn kinh phí thực hiện khám chữa bệnh định kỳ tại cơ sở cho người cao tuổi.

- Tình hình tệ nạn mại dâm và mua bán người vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp; hiệu quả thực hiện hoạt động can thiệp giảm hại, xây dựng các mô hình thí điểm, cung cấp, chuyển gửi các dịch vụ hỗ trợ hoà nhập cộng đồng, đặc biệt các hỗ trợ về pháp lý, vay vốn, dạy nghề, tìm việc làm cho người bán dâm ở nhiều địa phương còn hạn chế.

1.5. Về nhân lực y tế

- Đào tạo, sử dụng, cơ cấu, chế độ đãi ngộ cán bộ y tế còn nhiều bất cập. Nhân lực y tế chưa đáp ứng đủ cả về số lượng, chất lượng và phân bố. Tỷ lệ điều dưỡng/bác sỹ mới đạt khoảng 1,3 thấp hơn nhiều so với mức trung bình trên thế giới (2,2). Số bác sỹ, dược sỹ giỏi tập trung ở các đô thị lớn, bệnh viện tuyến cuối trong khi nhiều cơ sở y tế tuyến dưới, kể cả bệnh viện tỉnh thiếu bác sỹ. Khó thu hút nhân lực làm việc trong lĩnh vực y tế dự phòng, lao, phong, tâm thần, pháp y...

- Chưa có quy định đặc thù trong tiêu chuẩn và tiêu chí kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo lĩnh vực sức khỏe. Chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút những thầy thuốc có trình độ chuyên môn, tay nghề, làm việc lâu dài tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

1.6. Về tài chính y tế

- Phương thức chi trả chậm đổi mới, chủ yếu vẫn thanh toán theo giá dịch vụ. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật gồm 4 yếu tố: (1) tính chi phí trực tiếp, (2) tiền lương, (3) chi phí quản lý và (4) chi phí khấu hao. Tuy nhiên, hiện nay mới tính 2/4 yếu tố chi phí (chi phí trực tiếp và tiền lương). Trong điều kiện các cơ sở y tế phải thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, việc chưa được tính đủ các yếu tố cấu thành giá, trong đó có chi phí quản lý, trong khi các đơn vị vẫn phải chi trả điện nước, chi phí ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, áp dụng bệnh án điện tử, đào tạo nghiên cứu chuyển giao công nghệ, duy tu bảo dưỡng tài sản, làm giảm chênh lệch thu chi của đơn vị dẫn đến giảm số trích lập các quỹ và giảm thu nhập của cán bộ; khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số làm ảnh hưởng đến tiến độ chất lượng và hiệu quả dịch vụ.

- Đầu tư về tài chính cho y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Mức đóng BHYT còn thấp, hạn chế khả năng mở rộng phạm vi quyền lợi, tăng mức hưởng cho người bệnh. Việc tiếp cận với các dịch vụ kỹ thuật mới, thuốc mới, thiết bị y tế mới có hiệu quả điều trị cao thông qua bảo hiểm y tế còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu điều trị, chăm sóc sức khỏe của người dân. Việc thực hiện cơ chế tự chủ của nhiều đơn vị sự nghiệp công lập y tế phát sinh nhiều bất cập, đặc biệt đối với y tế dự phòng, y tế cơ sở.

1.7. Về dược, thiết bị y tế

Mới sản xuất được thiết bị y tế đơn giản, chủ yếu phải nhập khẩu nước ngoài. Mặc dù trên 70% mặt hàng thuốc thông dụng đã được sản xuất trong nước nhưng phải sử dụng trên 90% hoạt chất nhập khẩu. Phát triển nuôi trồng dược liệu, nhất là những loại dược liệu quý hiếm, đặc hữu của Việt Nam còn manh mún, tự phát.

1.8. Về chuyển đổi số y tế

- Hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối liên thông dữ liệu chưa đáp ứng yêu cầu của công tác chuyển đổi số phục vụ quản lý nhà nước và hoạt động của cơ sở y tế.

- Công tác chi trả trợ cấp an sinh xã hội đến các đối tượng hưởng chính sách qua tài khoản còn gặp nhiều khó khăn do phần lớn đối tượng là người cao tuổi, khuyết tật, tâm thần, trẻ em nên khả năng tiếp cận công nghệ thông tin còn thấp; vùng xa, vùng sâu hẻo lánh là vùng lõm của mạng internet.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng tăng do gánh nặng bệnh tật kép với bệnh không lây nhiễm chiếm tỷ trọng trên 70%, diễn biến dịch bệnh còn phức tạp, già hóa dân số nhanh, tác động của toàn cầu hóa, đô thị hóa, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, hành vi lối sống có hại cho sức khỏe...

- Y tế là lĩnh vực có phạm vi rộng, cần có sự tham gia của cấp ủy, chính quyền các cấp, liên quan đến người dân nên việc tổ chức thực hiện có nhiều thách thức.

- Số lượng văn bản pháp luật về y tế cần xây dựng tăng, nhiều vấn đề mới, công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm trong lĩnh vực y tế khối lượng lớn, trong khi nhân lực làm công tác pháp chế, thanh tra còn mỏng, chưa đồng đều về năng lực, kinh nghiệm trong bối cảnh thực hiện tinh giảm biên chế, chế độ tài chính, tiền lương còn thấp.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- *Nhận thức về vai trò, vị trí* của công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, dân số và phát triển ở một số nơi còn chưa đầy đủ, sâu sắc, chưa coi công tác này là một trong những nhiệm vụ chính trị hàng đầu theo Nghị quyết số 20-NQ/TW để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- *Nguồn lực đầu tư cho y tế còn hạn chế*, chưa đáp ứng yêu cầu của công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân (giai đoạn 2021-2025 mới đáp ứng được khoảng 30% so với tổng nhu cầu đầu tư cho y tế của các Bộ, ngành địa phương). Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng còn thấp, mới chỉ hỗ trợ được một phần nhu cầu thiết yếu của người dân; còn một bộ phận dân cư khó khăn chưa thụ hưởng chính sách do chưa được quy định trong Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

- *Chưa thực hiện đầy đủ được quan điểm nhân lực y tế cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt*. Công tác đào tạo nhân lực ngành y tế là đào tạo đặc biệt, có tính chuyên sâu, đặc thù, chương trình đào tạo có thời lượng dài hơn so với các ngành khác có cùng trình độ; học lý thuyết gắn liền với thực hành nghề nghiệp; giảng viên phải tham gia công tác khám bệnh, chữa bệnh tại các bệnh

viện để bảo đảm năng lực giảng dạy cả lý thuyết và thực hành. Do thiếu sự thống nhất giữa Luật Giáo dục đại học sửa đổi và Luật Khám bệnh, chữa bệnh, văn bằng, khung trình độ đào tạo chuyên khoa đặc thù ngành y tế chưa được công nhận là văn bằng, khung trình độ quốc gia (bác sỹ, dược sỹ chuyên khoa chưa được công nhận tương đương khung trình độ bậc 8: khung trình độ tiến sỹ), nên các bác sỹ, dược sỹ không được hưởng các chính sách, chế độ đãi ngộ tương đương. Bên cạnh đó, người học đại học khối ngành sức khỏe công lập chưa được hưởng chính sách ưu đãi như ngành giáo dục. Chính sách miễn học phí chỉ áp dụng đối với đào tạo sau đại học của một số chuyên ngành như tâm thần, giải phẫu bệnh, pháp y, pháp y tâm thần, truyền nhiễm và hồi sức cấp cứu. Mức lương khởi điểm cũng áp dụng như các ngành nghề khác nên khó tuyển dụng và giữ chân cán bộ có năng lực, đặc biệt là ở các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và y tế cơ sở.

- Cơ chế, chính sách tài chính y tế còn bất cập

+ Việc chưa được tính đủ các yếu tố hình thành giá dẫn đến các cơ sở không có đủ nguồn kinh phí để tăng cường chất lượng, tái đầu tư và duy tu bảo dưỡng hạ tầng, trang thiết bị cũng như ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

+ Việc áp dụng cơ chế tự chủ với các cơ sở thuộc hệ y tế dự phòng, tại y tế cơ sở chưa thực sự phù hợp với chủ trương của Đảng về "*nguyên tắc y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu*".

+ Quỹ bảo hiểm y tế đã chi trả gần như toàn bộ danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế, thuốc, thiết bị y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia BHYT nhưng do mức đóng còn thấp nên mức chi bình quân thấp, trong khi chưa có cơ chế cho phép đa dạng hóa các loại hình BHYT và cơ chế huy động các nguồn bổ sung khác vào Quỹ BHYT. Chưa tăng mức đóng bảo hiểm y tế trong khi Luật BHYT 2008 cho phép mức đóng tối đa là 6% mà hiện nay mới thực hiện được 4,5%.

+ Phạm vi chi trả BHYT mới chỉ bao gồm các dịch vụ khám, chữa bệnh, chưa mở rộng chi trả cho các dịch vụ có tính chi phí - hiệu quả như quản lý sức khỏe, khám sàng lọc, chẩn đoán, phát hiện sớm một số bệnh, khám sức khỏe định kỳ...

3. Bài học kinh nghiệm

- Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kịp thời thể chế hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ thành các chương trình, kế hoạch hành động có tính phù hợp, khả thi đối với Ngành, cơ quan, tổ chức; Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành, địa phương.

- Tổ chức thực hiện cần bám sát tình hình và yêu cầu thực tiễn, thảo luận dân chủ, kỹ lưỡng để quyết định chính sách kịp thời, linh hoạt, hiệu quả. Những biện pháp, giải pháp chưa có tiền lệ cần thực hiện thận trọng, liên tục cập nhật bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

- Tập trung công tác xây dựng văn bản pháp luật, hoàn thiện thể chế để tháo gỡ khó khăn, tạo hành lang pháp lý an toàn, vững chắc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi. Chủ động, liên tục rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước và chuyên môn; tăng cường phân cấp trong quản lý; phát huy hơn nữa tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm và tăng cường hiệu quả xử lý, giải quyết công việc chung.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị; coi trọng sơ kết, đánh giá thực tiễn, kịp thời rút kinh nghiệm gắn với nâng cao năng lực phân tích, đánh giá, dự báo, cảnh báo, nắm chắc tình hình, kịp thời ứng phó, xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch, đặt ra thời hạn hoàn thành để đôn đốc, theo dõi thực hiện nhằm đảm bảo tiến độ công việc, hạn chế tập trung nhiều công việc vào cùng một thời điểm

- Đẩy mạnh thông tin, truyền thông chính sách; huy động hiệu quả mọi nguồn lực trong nước, ngoài nước, tăng cường hợp tác quốc tế.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE NHÂN DÂN NĂM 2026

I. BỐI CẢNH

1. Bối cảnh quốc tế

1.1. Cơ hội

- Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Việc chuyển đổi số trong y tế đã thực sự tạo nên những sự thay đổi lớn trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho con người.

- Công nghệ y tế phát triển, tiên tiến là sự đóng góp và thúc đẩy các ngành khoa học khác cùng phát triển nhằm chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh như: công nghệ sinh học, sinh học phân tử, tế bào, hóa sinh, chẩn đoán hình ảnh, hồi sức cấp cứu, trang thiết bị, quản trị,...góp phần chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho con người - động lực của phát triển kinh tế - xã hội.

- Hệ thống, mạng lưới phòng chống dịch bệnh được kết nối ở quy mô toàn cầu giúp các quốc gia đang phát triển nâng cao năng lực phát hiện, kiểm soát bệnh dịch. Các công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, thiết bị tối tân trong chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị, can thiệp tại chỗ, từ xa được phổ biến rộng.

- Quá trình hội nhập quốc tế tiếp tục diễn ra ngày càng mạnh mẽ với nhiều cơ hội hội nhập và phát triển cho các ngành và lĩnh vực, tạo cơ hội tiếp tục tham khảo, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực y tế.

1.2. Thách thức

- Dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược các nước lớn và trong khu vực tiếp tục diễn ra gay gắt; đặc biệt lưu ý những vấn đề về xung đột chính trị tại Ucraina, Trung Đông...; khả năng điều chỉnh chính sách tiền tệ, thương mại, đầu tư của các nền kinh tế lớn.

- Những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng đa dạng, phức tạp, tác động mạnh mẽ; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng, ô nhiễm không khí, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, nhất là nguồn nước sông Mê Kông, đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững.

2. Tình hình trong nước

2.1. Cơ hội

- Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030. Tình hình chính trị, xã hội ổn định, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm và có sự chuyển biến tích cực.

- Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý cho phát triển ngành y tế. Mạng lưới giao thông, phương tiện thông tin phát triển nhanh tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ y tế thuận lợi hơn rất nhiều.

- Cùng với xu thế đi lên của nền kinh tế, người dân ngày càng quan tâm chăm sóc sức khỏe. Truyền thông, thông tin phát triển mạnh mẽ giúp người dân được phổ biến, nâng cao kiến thức và khả năng tự bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

2.2. Thách thức

- Chênh lệch giàu - nghèo còn lớn; đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị thiên tai; khoảng cách phát triển giữa các địa phương, vùng, miền còn khá lớn.

- Quá trình đô thị hóa tạo sức ép lớn về nhu cầu phát triển hạ tầng và xử lý ô nhiễm môi trường. Các thách thức an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... diễn biến ngày càng nhanh, khó lường.

- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng tăng do mô hình bệnh tật kép, già hóa dân số nhanh, tác động của toàn cầu hóa, đô thị hóa và biến đổi khí hậu, hành vi lối sống có hại cho sức khỏe như hút thuốc lá, sử dụng rượu bia, chất gây nghiện, dinh dưỡng không hợp lý còn phổ biến. Kinh tế phát triển cũng dẫn đến yêu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao và đa dạng. Người có thu nhập cao ra nước ngoài chữa bệnh ngày càng nhiều. Nguy cơ nguồn nhân lực y tế chất lượng cao ra nước ngoài tìm việc bắt đầu xuất hiện.

II. MỤC TIÊU

Bộ Y tế đề xuất Chính phủ giao chỉ tiêu năm 2026 như sau:

(1) Quốc hội, Chính phủ giao 03 chỉ tiêu chủ yếu trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2028 gồm có:

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5%;
- Số bác sỹ trên 10.000 dân đạt 15,3 bác sỹ;
- Số giường bệnh trên 10.000 dân đạt 34,7.

(2) Chính phủ giao chỉ tiêu cụ thể ngành, lĩnh vực trong Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 như sau:

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2026
1	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	90
2	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	74,8
3	Tổng tỷ suất sinh	Con/phụ nữ	2,1
4	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	111
5	Số được sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	3,4
6	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	25
7	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi	Số ca/1.000 trẻ đẻ sống	11
8	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi	Số ca/1.000 trẻ đẻ sống	16
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi)	%	16,8
10	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	>80
11	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	>91
12	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	>91

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo điều hành

1.1. Hoàn thiện thể chế, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chính sách và văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; hoàn thành xây dựng, hoàn thiện các dự án luật, các đề án, văn bản trong Chương trình công tác của Chính phủ, Bộ Y tế năm 2026 và thực hiện nhiệm vụ được giao tại các văn kiện của Đảng liên quan đến lĩnh vực y tế.

- Xây dựng, trình phê duyệt và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 sau khi được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, xác định các vướng mắc, bất cập, chồng chéo để kịp thời sửa đổi, bổ sung, giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Tiếp tục hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật của Bộ Y tế trong năm 2026.

- Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngành y tế và tổ chức thực thi pháp luật nghiêm minh. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do các bộ, ngành, địa phương ban hành liên quan đến lĩnh vực y tế.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ người làm công tác pháp chế; tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành trong chỉ đạo, điều hành công tác pháp chế.

1.2. Tổ chức bộ máy ngành y tế

- Triển khai thực hiện Đề án thành lập Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh Trung ương sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, quy định quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức mới, sắp xếp các cơ sở y tế dự phòng trực thuộc Bộ theo Đề án thành lập Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh Trung ương. Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp, tổ chức lại các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế; xây dựng Đề án sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành hệ thống cơ quan kiểm soát dược phẩm và thực phẩm, thiết bị y tế phù hợp, hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục rà soát, tinh gọn cơ cấu tổ chức của các tổ chức hành chính thuộc Bộ. Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ thực hiện sắp xếp các tổ chức thuộc và trực thuộc đơn vị theo đúng tiêu chí quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Rà soát, tổ chức xếp hạng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.

- Trình ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn; Nghị định về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động thay thế Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ; Nghị định Quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập, chế độ phụ cấp chống dịch và chế độ hỗ trợ nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố.

- Hoàn thiện các quy trình công tác cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, hướng dẫn các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Y tế. Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với công chức, viên chức.

- Triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Quy chế dân chủ cơ sở, Quy tắc ứng xử, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, cơ sở y tế “Xanh-Sạch-Đẹp”.

1.3. Cải cách hành chính, kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2026 của Bộ Y tế. Tiếp tục thực hiện Quyết định 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh phân công, phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực cán bộ thực thi và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức; việc kiểm soát thực hiện kê khai tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

1.4. Hợp tác quốc tế

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy chế Quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại theo Kết luận 33-KL/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 05-HD/BĐNTW ngày 26/3/2019 của Ban Đối ngoại Trung ương; triển khai các hoạt động đối ngoại trong lĩnh vực y tế theo đường lối đối ngoại trong các văn kiện được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật về đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường triển khai các hoạt động hợp tác, hội nhập chuyên ngành với các đối tác quốc tế, theo cơ chế song phương và đa phương trong khu vực ASEAN, các tổ chức trên thế giới như WHO, Liên minh Châu Âu... cũng như tăng cường hợp tác với các quốc gia khác trên thế giới.

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động đoàn ra, đoàn vào theo đúng trình tự, thủ tục, quy định có liên quan.

- Chú trọng nâng cao năng lực trong công tác hội nhập thông qua việc cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, hội thảo, hội nghị, các chương trình đào tạo năng lực dài hạn, cử các đoàn học tập, trao đổi kinh nghiệm tại nước ngoài...

2. Cung ứng dịch vụ y tế

2.1. Phòng chống dịch, bệnh, bảo vệ, nâng cao sức khỏe

a) Phòng chống dịch, bệnh

- Nâng cao năng lực y tế dự phòng, dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng.

- Triển khai thực hiện lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021–2030 theo nội dung Nghị quyết số 104/NQ-CP

ngày 15/8/2022 của Chính phủ. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2026.

- Ban hành Bộ tiêu chí về chuyên môn, kỹ thuật cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh và hướng dẫn triển khai thực hiện.

- Giám sát việc triển khai Chiến lược dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 và xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2030.

- Phòng, chống yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm: triển khai Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030; xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch phòng, chống tác hại của rượu, bia và chương trình, kế hoạch tăng cường hoạt động thể lực cho người dân.

- Dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị, chăm sóc người mắc bệnh không lây nhiễm: tiếp tục triển khai Chương trình sức khỏe Việt Nam; xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2026-2035 và các chương trình, kế hoạch liên quan để tăng cường phòng, chống bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở và tại cộng đồng.

b) Phòng chống HIV/AIDS

- Mở rộng và đổi mới các hoạt động truyền thông, can thiệp giảm hại và dự phòng lây nhiễm HIV. Tăng cường phối hợp liên ngành trong phòng, chống HIV/AIDS và huy động cộng đồng.

- Mở rộng và đa dạng hóa các loại hình tư vấn xét nghiệm HIV, đẩy mạnh xét nghiệm HIV dựa vào cộng đồng, tự xét nghiệm; tăng tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng HIV của mình.

- Giám sát chặt chẽ tình hình diễn biến dịch HIV/AIDS ở các nhóm có hành vi nguy cơ cao. Thiết lập hệ thống giám sát ca bệnh từ khi xác định nhiễm HIV, trong suốt quá trình tham gia điều trị, đến khi người nhiễm HIV tử vong.

- Nâng cao chất lượng điều trị HIV/AIDS, tăng tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng nhiễm HIV của mình được điều trị thuốc kháng vi rút HIV; tăng tỷ lệ người được điều trị thuốc kháng vi rút HIV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng ức chế. Mở rộng cung cấp thuốc ARV và xét nghiệm tải lượng HIV qua BHYT, điều phối thuốc ARV các nguồn đảm bảo bệnh nhân được nhận thuốc điều trị liên tục và không bị gián đoạn điều trị. Đẩy mạnh các hoạt động phát hiện tích cực bệnh lao và điều trị lao tiềm ẩn cho người nhiễm HIV.

- Ban hành Khung theo dõi và đánh giá chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030. Thiết lập hệ thống giám sát ca bệnh từ khi xác định nhiễm HIV cho đến tham gia điều trị, chuyển đổi cơ sở điều trị, chất lượng điều trị, tuân thủ điều trị cho đến tận khi người nhiễm HIV tử vong. Tiếp tục duy trì hoạt động giám sát trọng điểm HIV, STI và giám sát hành vi lây nhiễm HIV phù hợp. Áp dụng kỹ thuật chẩn đoán mới nhiễm trong giám sát trọng điểm để đánh giá và ước tính nguy cơ lây nhiễm HIV trong các nhóm có hành vi nguy cơ cao, đặc biệt là nhóm MSM.

c) Quản lý môi trường y tế

- Hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển y tế học đường đến năm 2030; Kế hoạch hoạt động giai đoạn 2026-2030 thực hiện Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, cải thiện nước sạch nông thôn, Đề án ứng phó với biến đổi khí hậu ngành y tế, Kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích tại cộng đồng.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp triển khai công tác y tế trường học, phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, tăng cường truyền thông hướng dẫn bảo vệ sức khỏe cộng đồng trước tác động của thiên tai và thời tiết cực đoan, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường. Tiếp tục tổ chức hội thảo, hội nghị nâng cao năng lực cho cán bộ y tế về các lĩnh vực biến đổi khí hậu, giám sát chất lượng nước, vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình.

- Tiếp tục triển khai và tổ chức đánh giá sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình bảo vệ nâng cao sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/05/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức các hội thảo nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế lao động các tuyến, đáp ứng nhu cầu quản lý vệ sinh lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc, tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho cán bộ y tế tại cơ sở y tế; kiện toàn mạng lưới cán bộ y tế tại các cơ sở sản xuất kinh doanh. Xây dựng và triển khai Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích ngành y tế năm 2026.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế; giám sát thực hiện cơ sở y tế xanh sạch đẹp. Khảo sát, xây dựng Tiêu chí cơ sở y tế xanh, bền vững có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và sự cố môi trường. Tổ chức sơ kết giữa kỳ việc thực hiện tăng trưởng xanh của Bộ Y tế.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 – 2025. Tăng cường công tác quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

2.2. Bảo đảm an toàn thực phẩm

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế quản lý an toàn thực phẩm. Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Hướng dẫn số 82-HD/BTGTW ngày 02/12/2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW và Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 21/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW.

- Tiếp tục tăng cường công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, trường học, ngộ độc thực phẩm do thức ăn đường phố. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm.

Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng như công an, quản lý thị trường trong việc kiểm tra, giám sát, ngăn chặn thực phẩm giả, thực phẩm nhập lậu, nhất là tại các địa bàn, tuyến trọng điểm.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ việc quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

2.3. Dân số và phát triển

- Thực hiện Kết luận 149-KL/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Xây dựng các văn bản hướng dẫn, thi hành Luật Dân số (nếu được Quốc hội thông qua).

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án, dự án về công tác dân số, trọng tâm là Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030:

- + Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh (Đề án 468);
- + Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 (Chương trình 588);
- + Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030 (Chương trình 1848);
- + Chương trình Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 (Chương trình 1999);
- + Đề án Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ KHHGĐ, sức khỏe sinh sản đến năm 2030 (Đề án 818);
- + Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 (Chương trình 1579);
- + Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030 (Chương trình 537);
- + Chương trình củng cố, phát triển hệ thống thôn tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 (Chương trình 2259);
- + Đề án Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021-2030 (Chương trình 520).

2.4. Công tác bà mẹ và trẻ em

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS), bảo đảm thực hiện quyền trẻ em. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 05 Quyết định³⁵: Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành 04

³⁵ (1) Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; (2) Đề án chăm sóc và sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2026-2030; (3) Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em tại cộng đồng giai đoạn 2026-2030; (4) Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026-2030; (5) Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2026-2030

Quyết định³⁶. Tiếp tục xây dựng/hoàn thiện, phổ biến các tài liệu hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, CSSKSS.

- Tập trung triển khai các biện pháp nhằm hạn chế tai biến sản khoa, giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh: củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ của mạng lưới khám chữa bệnh chuyên ngành sản, nhi; Đào tạo, nâng cao năng lực, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, thuốc thiết yếu về dự phòng, phát hiện và xử trí cấp cứu sản khoa và sơ sinh; Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyển tuyến cấp cứu sản khoa và sơ sinh; Sẵn sàng đáp ứng, xử trí nhanh, hiệu quả các sự cố y khoa.

- Triển khai các nội dung mở rộng của sức khỏe sinh sản: (1) Đổi mới và tăng cường sự phối hợp hoạt động giữa các Điểm cung cấp dịch vụ thân thiện và các Câu lạc bộ CSSKSS vị thành niên/thanh niên thông qua việc tổ chức các buổi sinh hoạt theo chủ đề truyền thông về CSSKSS theo Hướng dẫn của Bộ Y tế; (2) nghiên cứu, đề xuất thí điểm các can thiệp đặc thù đáp ứng nhu cầu CSSKSS của vị thành niên/thanh niên khu công nghiệp; (3) mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng can thiệp dự phòng lây truyền 3 bệnh HIV, giang mai, viêm gan B từ mẹ sang con; (4) triển khai khám, sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung kết hợp sàng lọc bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe, chú trọng vào truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình; cải tiến nội dung, đa dạng hóa hình thức truyền thông. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động ngân sách và vận động tài trợ cho công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, CSSKSS.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật³⁷ và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành trong giai đoạn 2021-2030. Phát huy hiệu quả hoạt động của Ủy ban quốc gia về trẻ em. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em các cấp thông qua việc xây dựng, cập nhật, chuẩn hóa tài liệu và tổ chức các lớp tập huấn về bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.

- Củng cố và phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em bảo đảm hỗ trợ, can thiệp trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại hoặc bị xâm hại; tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp và mở rộng mạng lưới tham gia bảo vệ trẻ em. Triển khai hiệu quả các giải pháp, mô hình, dịch vụ hỗ trợ, can thiệp về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

³⁶ (1) Kế hoạch hành động phòng, chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; (2) Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, tập trung vào làm mẹ an toàn và chăm sóc sơ sinh giai đoạn 2026-2030; (3) Đề án củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản các cấp; (4) Hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới.

³⁷ Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, Luật Trẻ em, Nghị quyết số 121/2020/QH14 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em; Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em; Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 14/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW; Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số; triển khai kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu trẻ em với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu khác. Xây dựng, thực hiện hiệu quả các quy chế, quy trình phối hợp liên ngành về bảo vệ trẻ em. Thực hiện hội nhập và hợp tác quốc tế sâu rộng hơn trong bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.

2.5. Công tác khám, chữa bệnh

- Tập trung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 32/2023/TT-BYT để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các bệnh viện trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ; cùng với đó rà soát, sửa đổi Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác; Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá. Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các Đề án (Đề án quản lý sức khỏe toàn dân; Cấp cứu ngoại viện; Hỗ trợ đào tạo, chuyển giao kỹ thuật; Tăng cường năng lực hệ thống giám định pháp y, pháp y tâm thần và bắt buộc chữa bệnh tâm thần giai đoạn 2025-2030...) và cập nhật các hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật.

- Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; nâng cao hiệu quả công tác quản trị bệnh viện và quản lý chất lượng bệnh viện. Tiếp tục phát triển các kỹ thuật y khoa chuyên sâu; mở rộng các hoạt động khám chữa bệnh từ xa, tăng cường công tác chỉ đạo tuyến, chuyển giao kỹ thuật, kịp thời hỗ trợ cho tuyến dưới. Triển khai hiệu quả quản lý công tác giám định pháp y tâm thần và bắt buộc chữa bệnh. Tăng cường các giải pháp nhằm bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh. Trong đó, tập trung triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt; bệnh án điện tử; liên thông xét nghiệm; hướng dẫn, triển khai hiệu quả Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID. Tăng cường phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

2.6. Công tác y dược cổ truyền

- Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển y dược cổ truyền nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ và mang tính đặc thù, phát huy tiềm năng và thế mạnh của lĩnh vực y, dược cổ truyền. Tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống khám, chữa bệnh bằng y, dược cổ truyền từ tuyến Trung ương đến tuyến cơ sở. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y dược cổ truyền.

- Tăng tỉ lệ dược liệu nuôi trồng trong nước, khuyến khích dược liệu nuôi trồng đạt tiêu chuẩn thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới; giảm dần tỉ lệ nhập khẩu dược liệu, thuốc cổ truyền. Phát triển các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu và thuốc cổ truyền có giá trị kinh tế cao phục vụ người bệnh và phát triển kinh tế xã hội.

- Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh theo y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; phác đồ điều trị kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại phục vụ công tác kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám và chữa bệnh. Chuẩn hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về dược

liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền phục công tác phát triển được liệu và thuốc cổ truyền đảm bảo chất lượng.

2.7. Công tác bảo trợ xã hội

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các dự án xây dựng Luật Trợ giúp xã hội; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người cao tuổi; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người khuyết tật; dự án Luật phòng, chống mại dâm; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực Bảo trợ xã hội để bảo đảm phù hợp sắp xếp, tổ chức bộ máy khi thực hiện chính quyền hai cấp.

- Tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng quy định pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, tránh trục lợi chính sách.

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện tốt Luật người cao tuổi, triển khai chính sách người cao tuổi; nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau; tập huấn nâng cao năng lực cán bộ làm công tác người cao tuổi; xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030 tầm nhìn 2045 trình Lãnh đạo Bộ.

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với người khuyết tật, Luật Người khuyết tật, Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật; Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII; Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch hành động quốc gia khắc phục hậu quả CĐHH/dioxin sau chiến tranh ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030, Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí giai đoạn 2021-2030, Chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom, mìn sau chiến tranh giai đoạn 2010-2025.

- Triển khai quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 nhằm phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng.

- Xây dựng kế hoạch tổng kết, đánh giá Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025 (Quyết định 1629/QĐ-TTg ngày 28/9/2021); xây dựng đề xuất Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2040; đôn đốc việc triển khai, kiểm tra, giám sát về thực hiện công tác phòng, chống mại dâm tại địa phương.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trong năm 2025; tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, cơ quan có liên quan thực hiện công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

3. Dược, hạ tầng và thiết bị y tế

3.1. Quản lý dược

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược. Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình bảo đảm nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng đến năm 2030.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho công tác công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân, phòng chống thiên tai, thảm họa và các tình huống khẩn cấp. Tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính việc cấp, gia hạn, thay đổi bổ sung giấy đăng ký lưu hành đáp ứng quy định nhằm đảm bảo nguồn cung ứng thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Tập trung đảm bảo nguồn cung đối với một số thuốc hiếm, thuốc có nguồn cung hạn chế. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý hồ sơ; hoàn thiện các tiện ích trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực đăng ký thuốc; kết nối các cơ sở sản xuất, xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ thuốc.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý giá thuốc quy định tại Luật Dược, Nghị định hướng dẫn Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã giúp thị trường dược phẩm vẫn được duy trì bình ổn, không có hiện tượng đầu cơ tích trữ, găm hàng đẩy giá lên cao.

- Tăng cường quản lý chất lượng thuốc: Hoàn thành và triển khai Quy hoạch hệ thống kiểm nghiệm thuốc nhà nước. Triển khai kiểm soát viên chất lượng theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống thuốc giả, thuốc kém chất lượng, thuốc không rõ nguồn gốc, phối hợp với địa phương và các ngành (Quản lý thị trường, Công an, Hải quan...) tăng cường giám sát chất lượng thuốc; công tác kiểm tra, hậu kiểm về việc thực hiện các quy định về đăng ký lưu hành, quản lý chất lượng, kinh doanh và sản xuất thuốc.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển chuyển giao công nghệ, sản xuất dược chất, thuốc mới, thuốc biệt dược gốc, thuốc sắp hết hạn bằng sáng chế hoặc các độc quyền có liên quan... Nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi, đặc biệt ưu đãi đầu tư. Ưu tiên phát triển các dự án sản xuất thuốc chuyển giao công nghệ, thuốc gia công ngay khi hết hạn bằng sáng chế hoặc các độc quyền có liên quan. Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất thuốc, chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc, vắc xin, sinh phẩm phẩm y tế.

3.2. Hạ tầng và thiết bị y tế

- Tập trung quản lý, cấp phép, gia hạn thiết bị y tế; giải quyết triệt để các hồ sơ tồn đọng. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhập khẩu, bảo đảm chất lượng thiết bị y tế.

- Tập trung hỗ trợ sản xuất thiết bị y tế trong nước trên một số lĩnh vực ưu tiên gồm sản xuất, cung ứng các thiết bị y tế thiết yếu, thiết bị y tế thông dụng và một số thiết bị y tế công nghệ cao, nhất là y tế cơ sở. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động đa dạng các nguồn lực trong xã hội để phát triển ngành sản xuất thiết bị y tế trong nước.

- Xây dựng và áp dụng hiệu quả tiêu chuẩn quốc gia về thiết bị y tế; thực hiện chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, hoàn thành và đưa vào sử dụng để tăng thêm số cơ sở y tế, giường bệnh. Đôn đốc các đơn vị, địa phương hoàn thiện thủ tục đầu tư và triển khai các chương trình, dự án đầu tư.

4. Khoa học công nghệ và đào tạo nhân lực y tế

4.1. Công tác đào tạo nhân lực y tế

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến đặc thù đào tạo nhân lực y tế nhằm tạo môi trường pháp lý triển khai đổi mới đào tạo nhân lực y tế đáp ứng yêu cầu đảm bảo và nâng cao chất lượng nhân lực y tế, tiến tới hội nhập quốc tế. Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực sức khỏe; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe. Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030, định hướng 2050 đảm bảo số lượng, chất lượng, cơ cấu và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực y tế.

- Triển khai xây dựng hệ thống kiểm định chương trình đào tạo đặc thù trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe theo thông lệ quốc tế. Xây dựng chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo khối ngành sức khỏe theo hướng dựa trên năng lực, phù hợp với từng lĩnh vực, chuyên ngành và trình độ đào tạo gắn với yêu cầu và nhu cầu sử dụng của hệ thống y tế. Phối hợp với Hội đồng Y khoa Quốc gia chuẩn bị triển khai tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề để đảm bảo công bằng, chất lượng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xây dựng, phát triển 05 trường đại học trọng điểm đóng vai trò hạt nhân, nòng cốt trong mạng lưới cơ sở giáo dục đại học lĩnh vực sức khỏe, đạt chất lượng ngang tầm khu vực.

- Tiếp tục triển khai đào tạo nhân lực y tế cho vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa nhằm từng bước đảm bảo số lượng và chất lượng nhân lực y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân tại tuyến cơ sở, vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về nhân lực y tế làm cơ sở phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực y tế để đào tạo và phát triển nâng cao trình độ nhân lực y tế; gắn đào tạo với sử dụng nhân lực y tế đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu, phân bố hợp lý theo lĩnh vực, vùng miền đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về việc tổ chức thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; giám sát, kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo liên tục cán bộ y tế; tăng cường quản lý chất lượng đào tạo thông qua các hoạt động giám sát thường xuyên, kiểm định chất lượng.

4.2. Công tác khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành y tế

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo ngành y tế: Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp đặc thù của ngành y tế và yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế.

- Tập trung đẩy mạnh triển khai Quyết định số 2121/QĐ-BYT ngày 26/6/2025 ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Y tế thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, đặc biệt các nhiệm vụ, dự án trọng tâm để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, sản xuất, thương mại hóa các sản phẩm của ngành. Tổ chức triển khai 5 chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ giai đoạn 2026 – 2030 theo định hướng Nghị quyết 57-NQ/TW và các văn bản pháp luật KHCN sửa đổi.

- Đẩy mạnh xây dựng TCVN, QCVN phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng, sản phẩm hàng hóa đối với các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế. Xây dựng các TCVN cho các sản phẩm hàng hóa, các đối tượng tiêu chuẩn phục vụ công tác kiểm nghiệm, khảo nghiệm và kiểm định, đánh giá: thiết bị y tế; dược; thực phẩm chức năng và hóa chất, sinh phẩm và cơ sở dữ liệu y tế.

- Ưu tiên tăng cường năng lực nghiên cứu cho các tổ chức nghiên cứu có thế mạnh (ưu tiên các lĩnh vực công nghệ cao phòng chống dịch bệnh, ung thư, công nghệ sinh học, công nghiệp dược, vắc xin v.v.). Đầu tư nâng cấp, nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo một số tổ chức khoa học và công nghệ mũi nhọn.

5. Tài chính y tế

- Phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo đúng thời gian quy định; tổ chức điều hành hiệu quả dự toán ngân sách năm 2026. Đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công; nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Thực hiện giá dịch vụ y tế theo lộ trình tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí, đảm bảo vừa điều chỉnh được giá nhưng vẫn thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy lộ trình BHYT toàn dân. Xây dựng giá dịch vụ y tế dự phòng, các gói chăm sóc sức khỏe làm cơ sở để phân bổ ngân sách, thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc thu của các đối tượng có nhu cầu.

- Phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản tháo gỡ các vướng mắc trong mua sắm, đấu thầu, xã hội hóa, tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Rà soát, hoàn thiện thể chế, thúc đẩy sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện.

- Nghiên cứu, xây dựng lộ trình điều chỉnh mức đóng BHYT phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân và điều kiện kinh tế - xã hội. Hoàn thiện phương thức chi trả theo định suất, trọn gói theo

trường hợp bệnh một cách phù hợp. Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về phạm vi quyền lợi BHYT về thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật đảm bảo quyền lợi của người tham gia BHYT, yêu cầu chuyên môn trong khám chữa bệnh tại các tuyến, chú trọng tuyến y tế cơ sở, phù hợp với khả năng chi trả của quỹ BHYT. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, giải quyết vướng mắc, bất cập phát sinh trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2144/QĐ-BYT ngày 27/6/2025 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

6. Hệ thống thông tin và chuyển đổi số y tế

- Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin y tế; rà soát, sửa đổi các quy định pháp lý về kết nối, khai thác dữ liệu, về bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động y tế trên nền tảng số...

- Tập trung đẩy mạnh triển khai Đề án 06/CP; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong hầu hết các hoạt động, dịch vụ của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh với ba nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh. Xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh sự tham gia của các cá nhân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Y tế. Triển khai định danh và xác thực người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống trực tuyến của Bộ Y tế. Triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và duy trì trợ lý ảo phục vụ người dân.

- Tiếp tục tổ chức thẩm định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của Bộ Y tế và triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cho các hệ thống thông tin của Bộ Y tế đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức đánh giá an toàn thông tin, dán nhãn tín nhiệm mạng cho cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và các trang thông tin điện tử của Bộ Y tế, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế.

PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Quốc hội tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật để thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá trong công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới sau khi được ban hành.

2. Chính phủ tiếp tục quan tâm chỉ đạo các bộ ngành:

- Tập trung công tác xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý, thể chế kịp thời, đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác y tế.

- Tiếp tục tăng chi ngân sách hằng năm cho sự nghiệp y tế, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách nhà nước, tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, biển đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần... theo Nghị quyết 18/2008/QH12 của Quốc hội, Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương.

3. Bộ Tài chính xem xét có cơ chế sử dụng ngân sách để thanh toán cho các thuốc hiếm, thuốc hạn chế nguồn cung phải dự trữ tại cơ sở y tế để phục vụ điều trị nhưng không phải sử dụng đến, hết hạn sử dụng phải hủy.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ sớm có hướng dẫn cụ thể về các cơ chế chính sách mới trong khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao, ứng dụng, thương mại hoá các công nghệ trọng điểm của ngành; hình thành các trung tâm nghiên cứu đổi mới sáng tạo tại các cơ sở nghiên cứu...

5. Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đặc biệt là việc triển khai các quy định pháp luật, cơ chế mới liên quan đến trách nhiệm của địa phương. Bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách địa phương thực hiện toàn diện, đồng bộ công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân đã được phân cấp theo quy định. Có cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ để thu hút các bác sỹ có trình độ, tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên cán bộ y tế.

Bộ Y tế trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Ủy ban của QH: XH, KT, TCNS;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các đ/c Thứ trưởng;
- SYT các tỉnh, TP;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Đào Hồng Lan